

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Đạt 95%	Đạt 96%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện chương trình GDMN theo quy định củ BGD 100%	Thực hiện chương trình GDMN theo quy định củ BGD 100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Thực hiện theo 4 lĩnh vực phát triển đạt 96%	Thực hiện theo 5 lĩnh vực phát triển đạt 98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trường có 2 nhóm lớp nhà trẻ đảm bảo theo yêu cầu chăm sóc và giáo dục trẻ	Trường có 14 nhóm lớp mẫu giáo đảm bảo theo yêu cầu chăm sóc và giáo dục trẻ

Phước vĩnh, ngày 20 tháng 10 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Yến Nhung

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	585			69	143	181	192
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	585			69	143	181	192
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1						1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	585			69	143	181	192
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	585			69	143	181	192
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	585			69	143	181	192
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	576			67	141	179	189
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	9			2	2	2	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	550			57	129	176	188
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	35			12	14	5	4
5	Số trẻ thừa cân béo phì	73			7	16	16	34
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	69			69			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	516				143	181	192

Phước vĩnh, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Yến Nhung

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG MN PHƯỚC VĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học: 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16/16	Số 1.5m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16/16	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8934 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1200 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	72 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	42 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	29,2 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	44 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	68 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	68 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	122m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		90 bộ/ nhóm
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		20 bộ/ lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		20 bộ/ sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	MVT: 16, Máy in: 6, Máy chiếu:01 Ti vi: 16 (8	

		cải tương tác)	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		
		Số lượng(m ²)	
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	27m ²	16m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Phước vĩnh, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Yến Nhung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55			35	4	1	15		4	34	19	19		
I	Giáo viên	35			31	4				4	31	16	19		
1	Nhà trẻ	6			5	1				1	5	2	4		
2	Mẫu giáo	29			26	3				3	26	14	15		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	3			3						2	2			
III	Nhân viên	17			1		1	15							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	15						15							
..	..														

Phước vĩnh, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Yến Nhung